

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST
Ngày 09-9-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Sĩ Mạnh

Bà Lương Thị Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện V kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59a/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đồng Thị L, sinh năm 1993. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn U, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn V, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 01 tháng 07 năm 2020 và các lời khai trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Đồng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện đăng ký kết hôn với anh Vũ Văn V tại Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng vào

ngày 23 tháng 10 năm 2017 (Giấy chứng nhận kết hôn số 46). Cuối năm 2018 anh chị phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh V có biểu hiện quan hệ ngoại tình, không quan tâm đến chị, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, anh đã đánh chị nhiều lần, nên chị phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở nhiều lần, lần gần đây từ tháng 6 năm 2020 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh V.

Về con chung: Anh chị có 01 con là Vũ Minh K, sinh ngày 30/10/2018, khi chị về mẹ đẻ ở, anh V không cho chị mang con về, vì vậy hiện nay cháu K đang do anh V nuôi dưỡng; nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Vũ Văn V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản khai ngày 20 tháng 7 năm 2020 thống nhất với chị L về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ cuối năm 2018, do bất đồng quan điểm sống, chị L không biết cách đối nhân xử thế, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị L đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở nhiều lần, lần sau cùng từ tháng 6 năm 2020 đến nay, không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn chị L.

Về con chung: Anh chị có 01 con là Vũ Minh K, sinh ngày 30/10/2018 đang do anh nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Vì anh có điều kiện nuôi dưỡng con hơn chị L.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên toàn bộ nội dung yêu cầu nêu trên.

Đại diện V kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 234. Bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Sự vắng mặt của bị đơn (anh V) tại phiên tòa, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đồng Thị L; cho chị Đồng Thị L được ly hôn anh Vũ Văn V.

Về con chung: Giao cháu Vũ Minh K, sinh ngày 30/10/2018 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; anh V có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở; chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- *Về tố tụng:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Đồng Thị L và anh Vũ Văn V có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện K từ năm 2017. Quá trình chung sống, anh chị xảy ra mâu thuẫn, nên chị L gửi đơn xin ly hôn anh V và yêu cầu giải quyết về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện K; căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là quan hệ pháp luật về “ ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Do anh V (là bị đơn) cư trú tại thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt bị đơn: Anh V (là bị đơn) vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

- *Về nội dung:*

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị L xin ly hôn anh V; căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án cũng như chính quyền xã M cung cấp thì hôn nhân của chị Đồng Thị L và anh Vũ Văn V là hôn nhân hợp pháp. Thời gian chung sống, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2018 do bất đồng quan điểm sống, anh V ham chơi, có biểu hiện quan hệ ngoại tình, từ đó

vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, nên chị L đã phải về nhà bố mẹ đẻ ở nhiều lần, lần gần đây từ tháng 6 năm 2020 đến nay không quan tâm đến nhau cũng như cuộc sống chung gia đình. Do đó đủ cơ sở xác định hôn nhân của anh chị thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; yêu cầu xin ly hôn của chị L có cơ sở chấp nhận, nên xử cho chị L được ly hôn anh V là phù hợp với các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cũng như ý kiến của anh V tại bản khai và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[4] Xét về nuôi con chung: Anh chị có 01 con chung là Vũ Minh K, sinh ngày 30/10/2018, đang do anh V nuôi dưỡng; nếu ly hôn, chị L và anh V đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị L và anh V; Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của các bên đương sự cũng như tài liệu trong hồ sơ vụ án thì chị L đang làm công nhân tại Công ty TNHH S; địa chỉ: Đường P, phường T, quận D, thành phố Hải Phòng, thu nhập mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, có chỗ ở ổn định; anh V thu nhập mỗi tháng 10.000.000 đồng, có chỗ ở ổn định. Như vậy cả hai anh chị đều có điều kiện nuôi dưỡng con chung; tuy nhiên cả hai anh chị không thỏa thuận với nhau về người trực tiếp nuôi con, trong khi cháu K chưa được 23 tháng tuổi (dưới 36 tháng tuổi); căn cứ theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên giao cháu K cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó chấp nhận nguyện vọng của chị L; không chấp nhận nguyện vọng của anh V được nuôi con. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị L không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L không thuộc hộ nghèo, cận nghèo của địa phương nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị L được ly hôn anh Vũ Văn V.
2. Về con chung: Giao cháu Vũ Minh K, sinh ngày 30/10/2018 cho chị Đồng Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy

định của pháp luật; chị L không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Vũ Văn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đồng Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008908 ngày 06/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị L đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đồng Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Vũ Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Diệu